TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày 06-6-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng Logistics

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Cao Sơn

Bà Triệu Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhưỡng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 và ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng Logistics theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH xây dựng V; địa chỉ: Đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị L, chức vụ - Giám đốc, có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH xây dựng V: Bà Nguyễn Phương T; địa chỉ: Đường H, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, theo giấy ủy quyền ngày 05/9/2018, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Thanh T Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: Đại lộ H, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH N, địa chỉ: Khu 7, phường Y, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn P, chức vụ - Giám đốc, vắng mặt có lý do

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Mạc Đức T; địa chỉ: Khu 7, phường Y , thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. Chi cục Hải quan cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Minh T, Phó Đội trưởng Đội nghiệp vụ theo giấy giới thiệu số: 01/GT, ngày 06/6/2019, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2018 và bản tự khai ngày 11/9/2018, biên bản lấy lời khai ngày 27/9/2018 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng V, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Phương T trình bày: Công ty TNHH xây dựng V thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ tại cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, (*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số thuế: 4900403721, đăng ký lần đầu ngày 08/10/2009, đăng ký lần thứ 7 ngày 18/12/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp).* Công ty TNHH xây dựng V và Công ty TNHH N phát sinh dịch vụ thương mại logistics không bắt buộc phải lập thành văn bản theo quy định của Luật thương mại năm 2005, không ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ nhưng hai bên vẫn tồn tại giao dịch, cụ thể: Căn cứ vào đơn xin hạ kho và biên bản hạ kho có sự giám sát của Chi cục Hải quan cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Công ty TNHH N xin gửi vào kho lạnh của Công ty TNHH xây dựng V hai lô hàng đông lạnh (Đuôi lợn) được thể hiện qua các văn bản đơn xin hạ kho số: 04/CV-2017, ngày 21/4/2017 container số hiệu 9290609, thuộc tờ khai số 500081664540 và đơn xin hạ kho số: 302/CV-2017, ngày 29/12/2017, container số hiệu 7702740 thuộc tờ khai số 500112234020, được sự đồng ý của Chi cục Hải quan cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn phê duyệt hạ kho, biên bản hạ kho số: 08/BB-NP, ngày 21/4/2017 và biên bản hạn kho số: 332/BB-HK, ngày 29/12/2017 và các văn bản như công văn số: 09/CV-VP ngày 02/3/2018 về việc xin xác nhận hàng hóa trong sự giám sát của Hải quan; đơn xin xác nhận tình trạng hàng hóa ngày 26/3/2018, hai bên không thỏa thuận thời gian gửi hàng mà bên gửi hàng lấy hàng ngày nào thì Công ty xuất ngày đó. Hiện nay hai container hàng hóa vẫn nằm trong sự giám sát của Chi cục Hải quan cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Do Công ty TNHH N lưu kho đối với hai container hàng đuôi lợn đông lạnh trong thời gian dài, nhưng không có hướng xử lý, ngày 30/5/2018 Công ty TNHH xây dựng V đã có văn bản nhắc Công ty TNHH N lần đầu và đề nghị Công ty TNHH N có ý kiến giải quyết về các chi phí lưu kho bãi và hướng xử lý hai container hàng, số tiền chi phí lưu kho đến ngày 30/5/2018 là: 775.071.000 đồng, hạn cuối để giải quyết hai container hàng hóa trên trước ngày 08/6/2018, nhưng Công ty TNHH N không có phản hồi. Ngày 13/6/2018 Công ty TNHH

xây dựng V tiếp tục ban hành văn bản gửi Công ty TNHH N lần hai với nội dung chấm dứt hợp đồng dịch vụ với Công ty TNHH N và dừng mọi dịch vụ liên quan đến việc lưu giữ hai container hàng trên vào ngày 20/6/2018, nhưng Công ty TNHH N vẫn không phản hồi. Sau ngày 20/6/2018 Công ty TNHH xây dựng V đã có văn bản đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý hai container hàng hóa đông lạnh và các khoản chi phí dịch vụ phát sinh trong quá trình lưu giữ hai container hàng hóa trên.

Tính đến ngày 11/9/2018 chi phí lưu kho bãi đối với hai container hàng hóa là: Container số hiệu 9290609, thuộc tờ khai số 500081664540, ngày nhập kho 21/4/2017, tổng ngày lưu kho là 568 ngày, tổng trọng lượng hàng hóa 26,920 tấn, (26,920 tấn x 50.000) x 568 ngày = 764.528.000 đồng (bẩy trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng) và container số hiệu 7702740, thuộc tờ khai số 500112234020, ngày nhập kho ngày 29/12/2017 tổng ngày lưu kho bãi 337 ngày, (26,430 tấn x 50.000) x 337 ngày = 445.345.500 đồng, (bốn trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Tổng chi phí hai container là: 1.209.873.500 đồng (một tỷ hai trăm linh chín triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng), nay Công ty TNHH xây dựng V yêu cầu Công ty TNHH N phải thanh toán tiền lưu kho tính đến ngày xét xử 06/6/2019.

Bị đơn: Công ty TNHH N, đại diện theo pháp luật ông Phạm Văn P - Giám đốc, sau khi nhận được Thông báo thụ lý giải quyết vụ án, ông Phạm Văn P đã có Công văn số: 56/CV- CT, ngày 10/9/2018 nội dung Công ty TNHH N khẳng định từ trước đến nay Công ty TNHH N chưa bao giờ có quan hệ giao dịch hay ký kết hợp đồng thuê kho gửi hàng hóa với Công ty TNHH xây dựng V, do vậy Công ty TNHH N không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH xây dựng V.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã triệu ông Phạm Văn P hợp lệ nhiều lần nhưng ông Phạm Văn P không có mặt không có lý do.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quang Ninh và lời khai tại phiên tòa ngày 06/5/2019 của ông Phạm Văn P trình bày như sau: Tháng 4/2017 Công ty TNHH N làm thủ tục nhập hai container hàng đuôi lợn đông lạnh từ ITALIA tại Cảng Hải Phòng không nhớ chính xác, việc gửi hai container này là do ông Mạc Đức T, thường trú: Khu 7, phường Y, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh là người trực tiếp đứng ra gửi hàng, nguồn gốc hai container hàng này là của ông Mạc Đức T, do ông Mạc Đức T là cá nhân nên không thể thực hiện hàng tạm nhập, tái xuất do vậy ông Mạc Đức T đã ký hợp đồng với Công ty TNHH N với nội dung thỏa thuận Công ty TNHH N làm dịch vụ nhập hai container hàng đuôi lợn đông lạnh tại Cảng Hải Phòng cho ông Mạc Đức T, việc xuất hai container hàng sẽ do ông Mạc Đức T tự liên hệ làm thủ tục, nhưng đứng tên là Công ty TNHH N; các chữ ký và con dấu tại đơn xin hạ kho số: 04/CV-2017, ngày 21/4/2017 và đơn xin hạ kho số 302/CV-2017 ngày 09/12/2017 chữ ký của ông Phạm Đức N và của ông Phạm Văn P - Giám đốc là của Công ty TNHH N. Hai container hàng trên về thủ tục

giấy tờ là của Công ty TNHH N, nhưng thực tế là của ông Mạc Đức T, Công ty TNHH N chỉ đứng ra làm dịch vụ tạm nhập, tái xuất cho ông Mạc Đức T như nội dung thỏa thuận đã ký trong hợp đồng. Việc Công ty TNHH xây dựng V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH N thanh toán chi phí lưu kho bãi đối với hai container trên Công ty TNHH N không đồng ý.

Tại bản khai ngày 17/4/2019 và tại phiên tòa của ông Mạc Đức T trình bày: Ông ký hợp đồng với Công ty TNHH Nvới nội dung thỏa thuận Công ty TNHH N làm dịch vụ tạm nhập, tái xuất hàng đông lạnh qua các cửa khẩu trong nước, đối với hai container hàng đuôi lợn đông lạnh hiện đang gửi tại kho lạnh của Công ty TNHH xây dựng V là của ông, ông trực tiếp liên hệ với Công ty TNHH xây dựng V và Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn để gửi hai container hàng trên để xuất sang Trung Quốc, nhưng do phía Trung Quốc cấm biên hàng của ông không xuất được, nên ông đã gửi hai container hàng hóa vào kho của Công ty TNHH xây dựng V từ tháng 4/2017, trong khoảng trung tuần tháng 7/2018 ông có điện thoại cho bà Vũ Thị L, Giám đốc Công ty TNHH xây dựng V để giải quyết hai container trên nhưng bà Vũ Thị L không đồng ý vì ông chưa thanh toán tiền chi phí lưu kho và cho ông thời gian 10 ngày để giải quyết, nếu không giải quyết được thì giao cho Công ty TNHH xây dựng V toàn quyền xử lý, hết thời hạn không xử lý được ông đã cùng bà Vũ Thị L, Giám đốc Công ty TNHH xây dựng V thỏa thuận giao cho bà Vũ Thị L xử lý hai container hàng trên nhưng không lập thành văn bản. Ông khẳng định hai container hàng trên là của ông và có trách nhiệm thanh toán tiền lưu kho bãi cho Công ty TNHH xây dựng V đến ngày xét xử là 1.000.000.000 đồng, (một tỷ đồng) vì nay ông không có khả năng thanh toán, ông Mạc Đức T khẳng định Công ty TNHH N không liên quan gì đến hai container hàng hóa trên.

Tại bản khai ngày 15/5/2019 và lời khai tại phiên tòa Hoàng Minh T, phó Đội trưởng Đội phòng nghiệp vụ Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Đối với container số hiệu SEGU 9290609 thuộc tờ khai số 500081664540 và container số hiệu WHLU 7702740 thuộc tờ khai số 500112234020 Công ty TNHH N là người thực hiện mọi thủ tục với Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn để gửi hàng hóa vào kho lạnh tại địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Công ty TNHH xây dựng V thuộc địa bàn quản lý của Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn để bảo quản hàng đông lạnh không sẽ bị hỏng, Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn thấy đầy đủ giấy tờ nên đã đồng ý và lập biên bản, hiện nay Chi cục Hải quan cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đang giám sát. Hai container hàng hóa trên được gửi vào kho lạnh của Công ty TNHH xây dựng V chứ không phải gửi vào kho ngoại quan. Về xử lý hai container hàng hóa trên nếu Công ty TNHH N hoặc Công ty TNHH xây dựng V có đầy đủ thủ tục đề nghị tái xuất hai container hàng hóa thì Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho tái xuất.

Ông Hoàng Thanh T người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng V phát biểu ý kiến: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và việc thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự có căn cứ

xác định. Công ty TNHH N đã gửi hai container số hiệu SEGU 9290609 thuộc tờ khai số 500081664540 và container số hiệu WHLU 7702740 thuộc tờ khai số 500112234020 hàng đuôi lợn đông lạnh tạm nhập, tái xuất vào kho lạnh của Công ty TNHH xây dựng V từ ngày 21/4/2017 và ngày 29/12/2017 đến nay, hai container hàng trên hiện đang nằm trong sự giám sát của Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn, từ ngày gửi hàng Công ty TNHH N chưa thanh toán khoản tiền lưu kho, bãi nào cho Công ty TNHH xây dựng V. Nay Công ty TNHH xây dựng V yêu cầu Công ty TNHH N phải thanh toán tiền chi phí lưu kho của hai container trên tính đến xét xử ngày 06/6/2019 là 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng); về xử lý đối với hai container hàng hóa trên, đây là loại hàng hóa tạm nhập, tái xuất chịu sự kiểm tra, giám sát của Chi cục Hải quan do vậy số hàng hóa trên thuộc thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần Hội đồng xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự, nhưng xác định quan hệ pháp luật vụ án chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luạt Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa xét thấy chứng cứ thu thập trong hồ sơ chưa đảm bảo căn cứ để giải quyết vụ án, sau khi thanh toán chi phí lưu kho đối với hai container hàng hóa là đuôi lợn đông lạnh, thì các vấn đề tiếp theo chưa được đề cấp trong hồ sơ vụ án. Do hàng tạm nhập tái xuất phải chịu sự giám sát của Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn kể từ khi tạm nhập cho đến khi tái xuất ra khỏi Việt Nam. Do đó cần phải có ý kiến bằng văn bản của Cục Hải quan Lạng Sơn về hướng xử lý hai container hàng hóa trên, hiện nay haicontainer hàng hóa trên đã hết thời hạn lưu trú tại lãnh thổ Việt nam, đề nghị Hội đồng xét xử Tạm đình chỉ vụ án theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vụ án tranh chấp hợp đồng logistic thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 14 Điều 26, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do bị đơn không hợp tác theo biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 21/11/2018 và ngày 22/02/2019. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy vụ án thuộc án kinh doanh thương mại theo quy định tại

khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty TNHH N người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn P, chức vụ - Giám đốc có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 06/6/2019 nhưng có bản khai và lời khai tại phiên tòa ngày 06/5/2019. Theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Vụ án được thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp, tại phiên tòa các đương sự trình bày hai bên đã có giấy phép kinh doanh, kinh doanh mục đích vì lợi nhuận, xác định tranh chấp hợp đồng logistic là hợp đồng kinh doanh thương mại hai bên đều có mục đích lợi nhuận, Hội đồng xét xử xét thấy vụ án thuộc vụ án kinh doanh thương mại do vậy chuyển quan hệ pháp luật theo quy định khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các quy định khác của Luật thương mại để giải quyết vụ án.

[3] Công ty TNHH xây dựng V hoạt động kinh doanh dịch vụ tại cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, *(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số thuế: 4900403721, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 08 tháng 4 năm 2009*). Công ty TNHH xây dựng V và Công ty TNHH N phát sinh dịch vụ thương mại Logistics không bắt buộc phải lập thành văn bản theo quy định tại Điều 233 Luật thương mại năm 2005 nhưng hai bên vẫn tồn tại giao dịch cụ thể. Công ty TNHH N có đơn xin hạ kho số 04/CV-2017 ngày 21/4/2017 và đơn xin hạ kho số 302/CV-2017 ngày 29/12/2017 đề nghị Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho phép gửi hai container số hiệu SEGU 9290609 thuộc tờ khai số 500081664540 kèm theo hồ sơ tờ khai 500081664540 KNQ mở ngày 19/4/2017 và container số hiệu WHLU 7702740 thuộc tờ khai số 500112234020 kèm theo hồ sơ tờ khai 5000112234020 mở ngày 06/12/2017 loại hàng đuôi lợn đông lạnh tại Hải quan Hải Phòng KVIII tái xuất tại cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn gửi vào kho lạnh tại địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Công ty TNHH xây dựng V thuộc địa bàn quản lý của Chi cục Hải quan cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn với lý do xin hạ kho để bảo quản hàng hóa đông lạnh không sẽ bị hỏng, có đầy đủ thủ tục chữ ký và con dấu của Giám đốc Công ty TNHH N, Chi cục Hải quan cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đồng ý gửi vào kho lạnh của Công ty TNHH xây dựng V, lập biên bản số: 08/BB-NP ngày 21/4/2017 và biên bản số 332/BB-HK ngày 29/12/2017 đến nay vẫn nằm trong sự giám sát của Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[4] Xét thấy hợp đồng giao dịch của Công ty TNHH xây dựng V và Công ty TNHH N được thực hiện đúng theo quy định của Luật thương mại năm 2005. Tại Điều 233 của Luật thương mại năm 2005 quy định hợp đồng Logistics là hợp đồng thương mại không bắt buộc hai bên phải lập thành văn bản, nhưng dịch vụ Logistics phải phát sinh trên thực tế. Theo đó, Công ty TNHH xây dựng V làm dịch vụ cung ứng và Công ty TNHH N có nhu cầu sử dụng cụ thể: Công ty TNHH N có đơn xin hạ kho số 04/CV ngày 21/4/2017 và đơn xin hạ kho số

302/CV ngày 29/12/2017 đề nghị Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho phép gửi vào kho hai container số hiệu SEGU 9290609 thuộc tờ khai số 500081664540 và Container số hiệu WHLU 7702740 thuộc tờ khai số 500112234020 loại hàng đuôi lợn đông lạnh gửi vào kho lạnh tại địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Công ty TNHH xây dựng V tại cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 07/9/2018 Công ty TNHH N có đơn đề nghị chuyển từ kho lạnh sang hai container số hiệu AALU6198210 và TRIU8364784. Do có sự nhầm lẫm số liệu trong việc thực hiện sổ sách kế toán nên có sự chênh lệch về trọng lượng của hai container, ngày 24/4/2019 nguyên đơn đính chính lại container số hiệu SEGU 9290609 thuộc tờ khai số 500081664540 là 26,000 tấn và container số hiệu WHLU 7702740 thuộc tờ khai số 500112234020 là 26,100 tấn. Tính đến ngày 06/6/2019 hai container số hiệu SEGU 9290609 thuộc tờ khai số 500081664540, nhập kho 21/4/2017 tổng ngày lưu kho là 758 ngày, trọng lượng hàng hóa 26,000 tấn x 50.000/ngày/tấn x 758 ngày = 985.400.000 đồng (chín trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng) và container số hiệu WHLU 7702740 thuộc tờ khai số 500112234020, nhập kho ngày 29/12/2017, tổng ngày lưu kho bãi 506 ngày, trọng lượng hàng hóa là 26,100 tấn x 50.000/ngày/tấn x 506 ngày = 660.330.000 đồng (sáu trăm sáu mươi triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng cộng số tiền của hai containerlà: 1.645.300.000 đồng (một tỷ, sáu trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm nghìn đồng), tại phiên tòa Công ty TNHH xây dựng V tính tròn số 1.600.000.000 đồng, từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH xây dựng V là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại các Điều 117, 274, 275, 357, 468, 554, 561 của Bộ luật Dân sự và các Điều 7, 29, 233 Luật thương mại năm 2005. Điều 46, 48 Luật Hải quan.

[5] Chi phí thuê kho bãi: Qua xác minh giá thuê kho bãi của Công ty TNHH H và Công ty cổ phần kinh doanh B tại cửa khẩu C huyện L Lạng Sơn áp dụng đối với các loại mặt hàng đông lạnh với tất cả khách hàng thuê là 50.000/ngày/tấn phù hợp với giá của Công ty TNHH xây dựng V tại thời điểm xét xử.

[6] Đối với đề nghị Công ty TNHH N, đại diện theo pháp luật ông Phạm Văn P - Giám đốc khẳng định từ trước đến nay Công ty TNHH N chưa bao giờ có quan hệ giao dịch hay ký kết hợp đồng thuê bãi, kho gửi hàng hóa với Công ty TNHH xây dựng V, nhưng biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2019 ông Phạm Văn P chức vụ: Giám đốc là người đại diện cho Công ty TNHH N khẳng định con dấu, chữ ký trong các đơn xin hạ kho số: 04/CV-2017 ngày 21/4/2017 container số hiệu SEGU 9290609, thuộc tờ khai số 500081664540, đơn xin hạ kho số: 302/CV-2017 ngày 29/12/2017 container số hiệu WHLU 7702740 thuộc tờ khai số 500112234020 (hàng đuôi lợn đông lạnh), biên bản hạ kho số: 08/BB - NP ngày21/4/2017 và biên bản hạ kho số: 332/BB - HK ngày 29/12/2017 và các văn bản như công văn số: 09/CV-VP ngày 02/3/2018 về việc xin xác nhận hàng hóa trong sự giám sát của Hải quan; đơn xin xác nhận tình trạng hàng hóa ngày 26/3/2018 là của Công ty TNHH N. Ngày 25/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn nhận được đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn

cấp tạm thời đối với hai container nói trên là do Giám đốc ông Phạm Văn P ký đóng dấu ghi 21/3/2019. Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã thể hiện rõ hai container số hiệu SEGU 9290609 và container số hiệu WHLU 7702740 hàng đuôi lợn đông lạnh là của Công ty TNHH N là có căn cứ, do vậy không chấp nhận đề nghị của Công ty TNHH N.

[7] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Mạc Đức T ký hợp đồng số: 01/2016/HĐTH ngày 15/8/2016 với Công ty TNHH N thuê Mã số hàng tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh (MS - TPĐL) do Bộ Công thương cấp (tư cách pháp nhân của Công ty) làm dịch vụ. Đối với hai container hàng hóa trên ông Mạc Đức T và ông Phạm Văn P, Giám đốc Công ty TNHH N cho rằng hai container hàng đuôi lợn động lạnh trên là của ông Mạc Đức T và ông Mạc Đức T tự liên hệ và giao dịch tạm nhập, tái xuất với Công ty TNHH xây dựng V, nhưng toàn bộ hóa đơn, chứng từ của haicontainer hàng hóa từ thủ tục Hải quan Hải Phòng KVIII và các giấy tờ, thủ tục kê khai với Chi cục Hải quan cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có con dấu, chữ ký là của Giám đốc Công ty TNHH N. Do vậy, đề nghị của ông Mạc Đức T đưa ra không có căn cứ chấp nhận. Việc ông Mạc Đức T ký hợp đồng với Công ty TNHH N thuê Mã làm dịch vụ tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh (MS-TPĐL), Công ty TNHH N thỏa thuận với ông Mạc Đức T để giải quyết vụ việc nếu không thỏa thuận được thì Công ty TNHH N có quyền khởi kiện ông Mạc Đức T và được giải quyết thành một vụ án khác.

[8] Tại Biên bản xác minh ngày 05/10/2018 và lời khai tại phiên tòa, Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn khẳng định toàn bộ chứng từ, tài liệu đối với hai container số hiệu SEGU 9290609, thuộc tờ khai số 500081664540 và container số hiệu WHLU 7702740 thuộc tờ khai số 500112234020 hàng đuôi lợn đông lạnh, khi làm thủ tục Hải quan và thủ tục gửi vào kho của Công ty TNHH xây dựng V con dấu và chữ ký là của Giám đốc Công ty TNHH N. Khẳng định hai container hàng trên của Công ty TNHH N gửi tại kho lạnh tại địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Công ty TNHH xây dựng V chứ không phải gửi vào kho ngoại quan, hiện nay hai container hàng hóa trên trong sự giám sát của Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, Lạng Sơn. Đối với việc xử lý hai container hàng trên Công ty TNHH N hoặc Công ty TNHH xây dựng V có đầy đủ thủ tục yêu cầu xuất hai container hàng thì Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn làm thủ tục xuất hàng và không cần có ý kiến bằng văn bản của Cục Hải quan Lạng Sơn. Nếu không xuất hàng thì vẫn trong sự giám sát của Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[9] Tại phiên tòa hôm nay Công ty TNHH xây dựng V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH xây dựng V là có căn cứ được chấp nhận

[10] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đưa ra có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[11] Đối với ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đề nghị Tạm đình chỉ vụ án theo quy định Hội đồng xét xử xét thấy: Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày đã làm rõ hai container hàng hóa trên là của Công ty TNHH N, còn xử lý hai container hàng hóa trên Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã trả lời Công ty TNHH N hoặc Công ty TNHH xây dựng V có đầy đủ thủ tục, giấy tờ đề nghị xuất hàng thì Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho xuất hàng, còn nếu không hàng thì vẫn trong sự giám sát của Chi cục Hải quan cửa khẩu C huyện Huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Xét thấy không có căn cứ để Tạm đình chỉ giải quyết vụ án, do vậy không cần thiết phải Tạm đình chỉ vụ án, nếu Tạm đình chỉ sẽ gây mất thời gian, kéo dài việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH xây dựng V được chấp nhận nên không phải chịu án phí, yêu cầu của Công ty TNHH N không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35; khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 259, Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 117, 274, 275, 357, 468, 554, 561 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 7, 29, 233 Luật thương mại năm 2005.Điều 46, 48 Luật Hải quan

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH xây dựng V

2. Công ty TNHH N phải thanh toán tiền chi phí lưu kho, bãi cho Công ty TNHH xây dựng V đối với container số hiệu SEGU 9290609, thuộc tờ khai số 500081664540 ngày 19/4/2017 gửi ngày 21/4/2017 và container số hiệu WHLU 7702740 thuộc tờ khai số 500112234020 ngày 06/12/2017 gửi ngày 29/12/2017 loại hàng đuôi lợn động lạnh đến ngày xét xử 06/6/2019 số tiền là 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Công ty TNHH N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà Nước.

Hoàn trả cho Công ty TNHH xây dựng V 19.150.000 đồng (mười chín triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/01281 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể ngày nhận được bản sao bản án hoặc niên yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án DS huyện L;
- Lưu hồ sơ; hành chính tư pháp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Ngọc